

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Minh và ông Phạm Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quan Cao, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số 16, ngõ 327, đường Thanh Sơn 2, quận Đào Viên, thành phố Đào Viên, Đài Loan. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Quan Cao, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận với nhau đến tháng 4/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C tính cách gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Ngoài ra còn chửi bới, xúc phạm danh dự của chị, không lo tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời lêu lổng, không còn làm chỗ dựa về kinh tế và tinh thần

cho vợ con. Do bị đánh đập quá nhiều lần, chị quá hoảng loạn, sợ bị đe dọa đến tính mạng nên chị đã ra Hà Nội để sống với bố mẹ đẻ của chị. Từ đó đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Anh C không gọi điện nhắn tin hỏi thăm tình hình chị sống ra sao, không có ý kiến gì về việc muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, không muốn chị quay trở về. Chị thấy hôn nhân của chị và anh C đã quá trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, không còn chút tình cảm nào cho anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 09/3/2012 và Trần Hồng Q, sinh ngày 28/02/2015. Hiện cả hai con đang ở cùng gia đình anh C. Hiện tại chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, không tiện chăm sóc nên để các con ở cùng anh C và bố mẹ đẻ anh C. Khi nào chị T về Việt Nam sẽ yêu cầu giải quyết việc nuôi con sau. Chị T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Trần Đức Đạo 2.000.000 đồng/tháng và cháu Trần Hồng Quân 1.500.000 đồng/tháng, từ tháng 10/2021 đến khi từng con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Văn bản đề ngày 06/8/2021, anh Trần Văn C trình bày:*

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh. Hiện tại do dịch bệnh Covid nên anh không đến Tòa án làm việc được. Anh rất muốn chị T phải có mặt tại Tòa án để làm thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật. Khi hết dịch bệnh Covid, anh sẽ có mặt tại Tòa án.

** Tại Biên bản làm việc ngày 04/8/2021 đối với ông Trần Xuân V (bố đẻ của anh C), ông V cung cấp:*

Thông tin về ngày, tháng, năm kết hôn và 02 con chung của anh C chị T thì đúng như chị T đã trình bày. Gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và thông báo cho anh C, anh C đã biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị T nhưng do anh C đang lao động ở Quảng Ninh, do dịch bệnh Covid-19 nên không về Tòa án làm việc được. Hiện anh C vẫn cư trú tại thôn Quan Cao, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình nhưng phải đi lao động ở Quảng Ninh để kiếm tiền nuôi con. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn (cụ thể ra sao gia đình không nắm được) nhưng đã được hai gia đình động viên, hòa giải. Nay mâu thuẫn trầm trọng, chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của anh C là không muốn ly hôn, muốn đoàn tụ nhưng chị T cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Hiện hai con chung của anh chị đang ở cùng anh C và ông bà, khỏe mạnh bình thường. Quan điểm của anh C là không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh C muốn nuôi cả hai con,

không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Gia đình không nắm được thông tin về tài sản chung và nợ chung của anh C, chị T, anh chị không có liên quan gì đến nợ của gia đình. Nếu Tòa án có thông báo, văn bản gì thì đề nghị Tòa án gửi về cho ông bà, ông bà sẽ nhận và cam kết sẽ thông báo ngay cho anh C.

** Tại Biên bản xác minh ngày 04/8/2021, Ủy ban nhân dân xã V, huyện T cung cấp:*

Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V và đến nay có 2 con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 09/3/2012 và Trần Hồng Q, sinh ngày 28/02/2015. Theo thông tin và phản ánh từ phía gia đình, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng gia đình luôn cố gắng động viên, đoàn tụ. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Hiện hai con của anh chị đang do anh C và bố mẹ anh C nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án giải quyết về việc giao con cho ai nuôi sao cho đảm bảo sự phát triển tốt nhất của các cháu, nhưng cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu. Địa phương không nắm được thông tin gì về tài sản chung, nợ chung của anh chị.

** Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình chị T đang lao động tại Đài Loan, chị T có đơn xin ly hôn đã được chứng thực và có đơn xin vắng mặt, anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, anh C đã có đơn trình bày gửi Tòa án do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị T theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C là hợp pháp. Chị T trình bày vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh C, gia đình anh C và gia đình chị T cũng như C quyền địa phương cũng xác nhận việc anh chị mâu thuẫn là có thật. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, hai bên đã sống ly thân từ lâu không ai quan tâm đến

ai. Chị T vẫn nhất quyết xin ly hôn, anh C mặc dù muốn hòa giải đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ. Tòa án đã nhiều lần gửi văn bản cho anh C nhưng anh C không chấp hành, anh C đã biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn của anh chị nhưng không thuyết phục được chị T rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 09/3/2012 và Trần Hồng Q, sinh ngày 28/02/2015. Hiện cả hai con đang ở cùng anh C và bố mẹ đẻ của anh C. Do chị T đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con Trần Đức Đạo 2.000.000 đồng/tháng và con Trần Hồng Quân 1.500.000 đồng/tháng, từ tháng 10/2021 đến khi từng con đủ 18 tuổi. Xét đề nghị của chị T là tự nguyện và hợp pháp, bảo đảm các quyền, lợi ích cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị T tự nguyện cấp dưỡng cho hai con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, gia đình anh C cung cấp anh C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi con chung Trần Đức Đ, sinh ngày 09/3/2012 và Trần Hồng Q, sinh ngày 28/02/2015. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Trần Đức Đạo 2.000.000 đồng/tháng và con Trần Hồng Quân 1.500.000 đồng/tháng, từ tháng 10/2021 đến khi từng con đủ

18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0005102 ngày 27/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị T còn phải chấp hành 300.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Duy Luân